TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÍ LINH** **TỈNH HẢI D□ƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/ HNGĐ- ST
Ngày: 28 - 5 - 2019.
"Về ly hôn"

NHÂN DANH
N□ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ □N NHÂN DÂN THÀNH PH□ CH□LINH, T□NH H□I D□□NG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bạn, ông Nguyễn Văn Thành.

- Th- ký phiên toà*:* Bà Mạc Thị Thủy - Cán bộ Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải D- ơng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải D- ơng tham gia phiên toà *:* Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019, tại Nhà văn hóa Khu dân c- B, ph- ờng C, thành phố C, tỉnh Hải D- ơng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 77/2019/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2019 về "*Ly hôn*" theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 10/5/2019, giữa các đ- ơng sự:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị M, sinh năm 1976

Nơi ĐKHKTT: Thôn B, xã L, thành phố C, tỉnh Hải D- ơng.

Nơi ở hiện nay: Thôn B, xã H, thành phố C, tỉnh Hải D- ơng, có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn B, xã L, thành phố C, tỉnh Hải D- ơng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, nguyên đơn là chị Đinh Thị M và bị đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày:

Chị M và anh T đ- ợc tự do tìm hiểu và tự nguyện về chung sống với nhau từ tháng 9/1995. Anh chị đ- ợc hai bên gia đình tổ chức lễ c- ới theo phong tục tập quán địa ph- ơng nh- ng anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau ngày c- ới, anh chị về sống với nhau tại thôn B, xã L, thành phố C, tỉnh Hải D- ơng. Anh chị sống hòa thuận hành phúc đến năm 2008 thì xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ đó cho đến nay không liên lạc và không quan tâm đến nhau.

Theo chị M thì nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống và thiếu lòng tin với nhau, anh T nghi ngờ chị sống không chung thủy nên vợ chồng th- ờng xuyên cãi nhau, tình cảm bị sứt mẻ. Nay chị xác định tình

cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị đ- ợc ly hôn với anh T.

Theo anh T thì nguyên nhân mâu thuẫn là do chị M sống không chung thủy với anh, bản thân anh và gia đình nhiều lần khuyên bảo nh- ng chị M không thay đổi. Đến nay, anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị M không còn, chị M xin ly hôn, anh đồng ý. Đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn nhau.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 20/4/1998 và Nguyễn Văn T, sinh ngày 12/12/2000. Các con chung đều khỏe mạnh, bình th- ờng, chị M và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị M và anh T không có tài sản chung nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà: Chị M giữ nguyên toàn toàn bộ yêu cầu khởi kiện của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của ng- ời tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tr- ớc thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: □p dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Về quan hệ hôn nhân: Xử tuyên bố không công nhận chị Đinh Thị M và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng.

- Về con chung và tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị Đinh Thị M phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn T là bị đơn đ- ợc Tòa án triệu tập hợp lệ nh- ng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu xin ly hôn của chị M: Chị M và anh T tự nguyện về chung sống với nhau từ tháng 9/1995, có tổ chức lễ c- ới theo phong tục, tập quán của địa ph- ơng. Việc anh chị chung sống với nhau nhiều ng- ời đều biết. Anh chị đều trình bày không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật phù hợp với kết quả xác minh tại UBND xã L và Phòng t- pháp thành phố C. Nên, có đủ căn cứ xác định anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, hôn nhân giữa chị M và anh T là không hợp pháp, vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống, anh chị có thời gian dài hoà thuận, hạnh phúc có con chung sau đó xảy ra mâu thuẫn. Anh chị đã sống ly thân hơn 10 năm nay, không liên lạc và không quan tâm đến nhau. Nay, cả hai anh chị đều có yêu cầu ly hôn, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình để tuyên bố không công nhận chị M và anh T là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Các con chung của anh chị là Nguyễn Văn T, sinh ngày 20/4/1998 và Nguyễn Văn T, sinh ngày 12/12/2000 đều đã trên 18 tuổi, khỏe mạnh bình th- ờng, chị M và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Chị M và anh T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyêt nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị M là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sơ sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

□p dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Đinh Thị M và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng.

- Về con chung và tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị Đinh Thị M phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, đ- ợc trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0001238 ngày 28/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Chí Linh (nay là thành phố Chí Linh), tỉnh Hải D- ơng. Chị M đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Chị M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đ- ợc bản án hoặc ngày bản án đ- ợc niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Chí Linh;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Văn Lâm